TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20-3-2023
V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Sơn

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Ngọc Trung Dũng - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân thành phố Đ – tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ - tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đ - tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 709/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp: *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm: 1980; địa chỉ: thôn X, xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Thành Phương, sinh năm: 1980; địa chỉ: thôn X, xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày, chị và anh Lê Thành P xây dựng gia đình với nhau vào năm 2005, trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 07/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và không tin tưởng nhau trong quan hệ tình cảm nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Vì vậy, từ tháng 08/2022 cho đến nay vợ chồng chị đã sống ly thân nhau, không còn

chung sống một nhà. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh P không còn nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Thành P.

Về con chung, chị và anh P có 02 con chung là Lê Thanh T, sinh ngày 16/03/2006 và Lê Xuân V, sinh ngày 17/09/2007. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu V còn cháu T chị đồng ý giao cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Bị đơn anh Lê Thành P trình bày, anh thống nhất về mối quan hệ hôn nhân như chị H đã trình bày. Cuộc sống chung của vợ chồng anh hòa thuận hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không tin tưởng nhau trong quan hệ tình cảm nên cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vì vậy, từ tháng 08/2022 cho đến nay vợ chồng anh đã sống ly thân nhau, chị H đã về nhà mẹ đẻ ở huyện L, tỉnh Lâm Đồng sinh sống. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh xác định tình cảm vợ chồng cũng không còn nữa nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Về con chung, anh P xác định vợ chồng có 02 con chung là Lê Thanh T, sinh ngày 16/03/2006 và Lê Xuân V, sinh ngày 17/9/2007. Hiện nay cháu T đang ở với anh còn cháu V đang ở với chị H. Khi ly hôn anh đồng ý giao cháu V cho chị H nuôi dưỡng còn cháu T anh sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải thành ngày 06/12/2022 nhưng đến ngày 13/12/2022 anh P có đơn thay đổi ý kiến, không đồng ý ly hôn với chị H và có nguyện vọng được đoàn tụ gia đình.

Tại phiên tòa, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh P. Về con chung, chị có nguyện vọng được nuôi cháu V và đồng ý giao cháu T cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Anh P cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Về con chung, anh đồng ý giao cháu V cho chị H nuôi dưỡng còn cháu T anh sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, các đương sự và Hội

đồng xét xử. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phạm Thị H, xử cho chị H được ly hôn với anh Phương. Về con chung, giao con chung là Lê Xuân V cho chị H có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giao cho chung là Lê Thanh T cho anh P có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh P xây dựng gia đình với nhau vào năm 2005, trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không tin tưởng nhau trong quan hệ tình cảm nên cuộc sống chung không có hạnh phúc. Từ tháng 08/2022 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau, chị H và cháu V đã chuyển về huyện L, tỉnh Lâm Đồng sinh sống. Tại phiên tòa hôm nay, chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Vì vậy, nếu cứ kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H, xử cho chị H và anh P được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[2] Về con chung: Chị H và anh P có 02 con chung là Lê Thanh T, sinh ngày 16/3/2006 và Lê Xuân V, sinh ngày 17/9/2007. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi cháu V còn anh P có nguyện vọng được nuôi cháu T. Xét thấy, hiện nay cháu V đang ở với chị H và cũng có nguyện vọng được ở với chị H còn cháu T đang ở với anh P và có nguyện vọng được ở với anh P nếu bố, mẹ ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm sinh lý của trẻ nhỏ cần tiếp tục giao con chung là Lê Thanh T, sinh ngày 16/3/2006 cho anh P có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung là Lê Xuân V, sinh ngày 17/9/2007 cho chị H có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của các con. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh P xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra để xem xét.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phạm Thị H, xử cho chị Phạm Thị H và anh Lê Thành P được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Thanh T, sinh ngày 16/3/2006 cho anh P có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao con chung là Lê Xuân V, sinh ngày 17/9/2007 cho chị H có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của các con. Không ai được cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0002396 ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đ;
- Chi cục THADS tp. Đ;
- UBND Phường X, tp.Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Ngọc